

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **53/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 26-8-2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Bê

2. Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát Viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2020/TLST-HNGĐ ngày 16-3-2020 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị V**, sinh năm 1998 (Vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: X, xã H, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1988 (Vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Huỳnh Thị V và bị đơn anh Nguyễn Văn N cùng thống nhất xác định và thỏa thuận:*

Vợ chồng chung sống với nhau năm 2014, không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng thật sự hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, phát sinh nhiều bất đồng trong cuộc sống, nên thường xuyên cãi nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và đã ly thân nhau từ tháng 8 năm 2019 đến nay.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 21/4/2016 và Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 30/8/2018, hiện đang sống chung với anh N.

Về tài sản: Vợ chồng không tài sản chung.

Về nợ: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng.

Thỏa thuận:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị V và anh Nguyễn Văn N cùng thống nhất thuận tình ly hôn nhau, nhưng do anh chị từ trước đến nay chưa đăng ký kết hôn và cũng chưa được cơ quan chuyên môn nào cấp giấy chứng nhận kết hôn nên không thể ghi nhận;

2. Về quan hệ nuôi con chung: Chị Huỳnh Thị V và anh Nguyễn Văn N cùng thống nhất xác định và tự thỏa thuận: Sau khi ly hôn, giao con chung tên Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 21/4/2016 và Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 30/8/2018 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị V không cấp dưỡng nuôi con cùng anh N sau khi vợ chồng ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng Việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

3. Về quan hệ tài sản chung: Chị Huỳnh Thị V và anh Nguyễn Văn N cùng thống nhất xác định, vợ chồng không tài sản chung, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. Về quan hệ nợ chung: Chị Huỳnh Thị V và anh Nguyễn Văn N cùng thống nhất xác định, vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Tại phiên tòa:***

- Nguyên đơn chị Huỳnh Thị V và bị đơn anh Nguyễn Văn N vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn chị Huỳnh Thị V và bị đơn anh Nguyễn Văn N trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

+ Về Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xem xét những vấn đề cụ thể như sau, về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Huỳnh Thị V và anh Nguyễn Văn N; về quan hệ nuôi con chung: Giao Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 21/4/2016 và Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 30/8/2018 là con chung của hai người cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị V không cấp dưỡng nuôi con cùng anh N; về quan hệ tài sản chung và quan hệ nợ chung: Không có tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi hòa giải không thành, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Tại phiên hòa giải, nguyên đơn chị Huỳnh Thị V và anh Nguyễn Văn N thống nhất với nhau về quan hệ vợ chồng từ khi chung sống đến nay không đăng ký kết hôn, về con chung, về tài sản, về nợ và thời điểm hai bên phát sinh mâu thuẫn, kể cả thời gian ly thân nhau. Theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX khẳng định đây là sự thật.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị V và anh Nguyễn Văn N chung sống với nhau từ năm 2014, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền (UBND xã). Như vậy là V phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Cho đến khi có Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (có hiệu lực ngày 01-01-2015) và thực tế từ khi có đơn yêu cầu xin ly hôn

của chị V và cho đến nay anh, chị vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, nay chị V có yêu cầu ly hôn, thì theo quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án sẽ quyết định bằng bản án tuyên bố không công nhận hai người là vợ chồng.

- Về quan hệ nuôi con chung: Tại phiên hòa giải, giữa chị V và anh N đã cùng nhau thống nhất xác định và tự thỏa thuận, sau khi vợ chồng ly hôn giao con chung tên Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 21/4/2016 và Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 30/8/2018 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị V không cấp dưỡng nuôi con cùng anh N sau khi vợ chồng ly hôn. Thấy rằng, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và phù hợp theo quy định tại Điều 15, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên cần ghi nhận. Việc anh N không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con cùng anh sau khi vợ chồng ly hôn là tự nguyện, do đó chị V không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh N.

- Về quan hệ tài sản chung và quan hệ nợ chung: Giữa nguyên đơn chị V và anh N cùng thống nhất xác định, vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị V có đơn yêu cầu xin ly hôn nên chị V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1 - Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Huỳnh Thị V và anh Nguyễn Văn N.

2 - Về quan hệ nuôi con chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa chị Huỳnh Thị V và anh Nguyễn Văn N, cụ thể: Sau khi ly hôn, giao Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 21/4/2016 và Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 30/8/2018 cho anh N

trực tiếp nuôi dưỡng, chị V không cấp dưỡng nuôi con cùng anh N sau khi vợ chồng ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng Việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3 - Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4 - Về án phí: Chị Huỳnh Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là **300.000** đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0007750 ngày 11 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh; chị V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Mỹ Linh